

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group	B/R
Round	4
Date	2026.0.8.24
Board	1

WHITE Wu Po-Hua				FED TPE				RESULT (W) 1/2			
BLACK Anand Tsoy-bileg				FED MGL				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	d4	Qd	23			43			63		
4	Nh4	Nf6	24			44			64		
5	f3	e5	25			45			65		
6	Nb3	d5	26			46			66		
7	Bg5	Bc6	27			47			67		
8	Bf6	Qf	28			48			68		
9	Qd	Qd5	29			49			69		
10	Qd6	Bf5	30			50			70		
11	Nc3	Bc6	31			51			71		
12	Qd6	Q6	32			52			72		
13	Bf3	Nd7	33			53			73		
14	Bb4	Rf8	34			54			74		
15	g4	Nb6	35			55			75		
16	Nc5	Bc5	36			56			76		
17	Nd5	Bf6	37			57			77		
18	Rf5	b6	38			58			78		
19	Rh4	h5	39			59			79		
20	h3		40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wu Po-Hua				SIGNATURE (BLACK) Anand Tsoy-bileg				SIGNATURE (ARBITER) Culver			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group	C12
Round	4
Date	8/24
Board	1

WHITE Wu Po-Hua				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Anand Tsoy-bileg				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	d4	cxd4	23			43			63		
4	Nxd4	Nf6	24			44			64		
5	f3	e5	25			45			65		
6	Nb3	d5	26			46			66		
7	Bg5	Bc6	27			47			67		
8	Qxf6	Qxf6	28			48			68		
9	cxd5	Qxd5	29			49			69		
10	Qxd5	Qxd5	30			50			70		
11	Nc3	Bc6	31			51			71		
12	Qd6	Q6	32			52			72		
13	Bd3	Nd7	33			53			73		
14	Be4	Rb8	34			54			74		
15	g4	Kc5	35			55			75		
16	Nxc5	Bxc5	36			56			76		
17	Nd5	Bxd5	37			57			77		
18	Rd5	b6	38			58			78		
19	Rhd1	h5	39			59			79		
20	h3		40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wu Po-Hua				SIGNATURE (BLACK) Anand Tsoy-bileg				SIGNATURE (ARBITER) Culver			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B12
Round 4
Board 2

WHITE Jiang Tianbo				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Xu Jinzhi				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd6	c3	41	f5	Kb8	61	Kf2	d4
2	Bf4	Nf6	22	Qe2	b3	42	Qf6	fe	62	Ke1	d3
3	e3	c5	23	Qab	Qab	43	Bd5	ed	63	Kf2	d2
4	c3	Nc6	24	Bab	b2	44	Kg3	Kc7	64	Kf3	d1R
5	Nd2	Bf5	25	Bf8	Rf8	45	Kc4	Kd6	65	Kc4	Rf1
6	Qb3	Qc8	26	Rd1	c2	46	h4	Ke6	66	Kd5	g4
7	Nf3	eb	27	e4	Be4	47	Kg4	Kf6	67	Ke5	g3
8	Be2	hb	28	Nd2	Rb8	48	Kf4	g5	68	Ke4	g2
9	h3	Nd7	29	Kh2	b1Q	49	hg	hg	69	Ke5	g1R
10	o-o	c4	30	Nb1	cbQ	50	Kf3	Kf5	70	Kd5	Rf4
11	Qd1	Be7	31	Rb1	Bb1	51	g4	Ke6	71	Ke5	ka74
12	h4	b5	32	Rc1	Kf7	52	Kc3	Kd6	72	Kd5	g95
13	a4	ab	33	Rc8	Rc8	53	Kd2	Bd7	73	Kc6	Bf7
14	a5	Qb7	34	Bc8	Kc7	54	Kc3	Bg4	74	Kc7	Be6
15	Re1	Rc8	35	ab	Nb5	55	Kf2	Kc6	75	Kd6	Kf6
16	Bf1	o-o	36	a7	Kd6	56	Kg2	Kf5	76	Kf7	Rh6
17	Qd1	Nb4	37	Bb7	Kc7	57	Kg3	Bh5	77	Kd6	Bb3
18	cb	Bf4	38	a8Q	Nd8	58	Kg2	Kc4	78	Kc7	g97
19	Qb2	Bd2	39	Ba8	Bd3	59	Kf2	Kd4	79	Kf8	Rh7
20	Qd2	b4	40	f4	Bd5	60	Kg3	Kc3	80	Kc8	Rh8
SIGNATURE (WHITE) Jiang Tianbo				SIGNATURE (BLACK) Xu Jinzhi				SIGNATURE (ARBITER) Cai			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 012
Round 4
Board 2

WHITE Jiang Tianbo				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Xu Jinzhi				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bd6	o3	41	f5	Kb8	61	Rf2	d4
2	Bf4	Nf6	22	Qe2	b3	42	fe	fe	62	Ke1	d3
3	e3	c5	23	Qab	Qab	43	Bxd5	ed	63	Kf2	d2
4	c3	Nc6	24	Bxa6	b2	44	Kg3	Ke7	64	Kc3	d1R
5	Nd2	Bf5	25	Bf8	Rxf8	45	Kf4	Kd6	65	Ke4	Rf1
6	Qb3	Qc8	26	Rac1	c2	46	h4	Ke6	66	Kd5	g4
7	Ng3	eb	27	e4	Bxe4	47	Kf4	Kf6	67	Ke5	g3
8	Be2	hb	28	Nd2	Rb8	48	Kf4	g5	68	Ke4	g2
9	h3	Nd7	29	Kh2	b1=Q	49	hg	fg	69	Ke5	g1=Q
10	o-o	c4	30	Nxb1	oxb1	50	Kf3	Kf5	70	Kd5	Rf4
11	Qd1	Be7	31	Rxb1	Bxb1	51	g4	Ke6	71	Ke5	Rg4
12	b4	b5	32	Rc1	Kf8	52	Ke3	Kd6	72	Kd5	Rg5
13	a4	ab	33	Rc8	Rxc8	53	Kd2	Bd7	73	Ke6	Bf7
14	a5	Qb7	34	Bxc8	Ke7	54	Ke3	Bg4	74	Ke7	Be6
15	Re1	Rc8	35	a6	Nb6	55	Rf2	Ke6	75	Kd6	Rf6
16	Bf1	o-o	36	a7	Kd6	56	Kg2	Kf5	76	Ke7	Rh6
17	Qd1	Nb4	37	Bb7	Kc7	57	Kg3	Bh5	77	Kd6	Bb3
18	cb	Bf4	38	a8=Q	Nxa8	58	Kg2	Ke4	78	Ke7	Rg7
19	Qb2	Bd2	39	Bxa8	Bd3	59	Kf2	Kd4	79	Kf8	Rh7
20	Qxb2	b4	40	f4	Bb5	60	Kg3	Kc3	80	Ke8	Rh8
SIGNATURE (WHITE) Jiang Tianbo				SIGNATURE (BLACK) Xu Jinzhi				SIGNATURE (ARBITER) Cai			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
B-12
Round
4

Date
24 Aug 2026
Board
3

WHITE Wenjing, Ban Yu Liqun						FED INA		RESULT (W) 1			
BLACK Wang, Xuanhe						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	Q5	21	Nxg6	Nxg6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qg4	Nhf8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Re1	Ne6	43			63		
4	C3	Nf6	24	Nf5	Wh7	44			64		
5	d3	d6	25	h4	Rg8	45			65		
6	O-O	O-O	26	Bxh6	Ne7	46			66		
7	Nbd2	h6	27	Nxe7	Oxe7	47			67		
8	Re1	a5	28	Bg5		48			68		
9	a4	Bg4	29			49			69		
10	h3	Bh5	30			50			70		
11	Nf1	Ne7	31			51			71		
12	Ng3	Bg6	32			52			72		
13	Bd2	c6	33			53			73		
14	b4	Bb6	34			54			74		
15	Bb3	Re8	35			55			75		
16	bxa5	Bxa5	36			56			76		
17	Rb1	Qc7	37			57			77		
18	Nh4	d5	38			58			78		
19	Qf3	dxe4	39			59			79		
20	dxe4	Mh7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Blau			SIGNATURE (BLACK) Wang Xuanhe			SIGNATURE (ARBITER) Cui					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
B-12
Round
4

Date
2026.8.25
Board
3

WHITE Wenjing, Ban Yu Liqun						FED INA		RESULT (W) 1			
BLACK Wang, Xuanhe						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	Q5	21	Nxg6	Nxg6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qg4	Nhf8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Re1	Ne6	43			63		
4	C3	Nf6	24	Nf5	Kh7	44			64		
5	d3	d6	25	h4	Rg8	45			65		
6	O-O	O-O	26	Bxh6	Ne7	46			66		
7	Nbd2	h6	27	Nxe7	Qxe7	47			67		
8	Re1	a5	28	Bg5		48			68		
9	a4	Bg4	29			49			69		
10	h3	Bh5	30			50			70		
11	Nf1	Ne7	31			51			71		
12	Ng3	Bg6	32			52			72		
13	Bd2	c6	33			53			73		
14	b4	Bb6	34			54			74		
15	Bb3	Re8	35			55			75		
16	bxa5	Bxa5	36			56			76		
17	Rb1	Qc7	37			57			77		
18	Nh4	d5	38			58			78		
19	Qf3	dxe4	39			59			79		
20	dxe4	Mh7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Blau			SIGNATURE (BLACK) Wang Xuanhe			SIGNATURE (ARBITER) Cui					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 4

Group B12
Round 4

WHITE Zhang Hongya						FED						RESULT (W)	
BLACK Huang Xian						FED						RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	g4	g6	41			61				
2	d4	d5	22	Bh6	Kh7	42			62				
3	Nc3	de	23	Bf8	Rf8	43			63				
4	Nb4	Nd7	24	Rg1	Nf4	44			64				
5	Nf3	Nf6	25	Qe3	Nd3	45			65				
6	Nf6	Nf6	26	Qd3	Bd5	46			66				
7	Bg5	Be7	27	Rg5	Qb7	47			67				
8	Bd3	h6	28	Rh5	Kh5	48			68				
9	Be3	Nd5	29	Qg3	Kf7	49			69				
10	Bd2	c5	30	Rh7	Ke8	50			70				
11	d4	Bc5	31	Rb7	Bb7	51			71				
12	Qe2	Qd7	32	Qg6	Ke7	52			72				
13	Ne5	a6	33	Qg5	Ke8	53			73				
14	O-O	b5	34	Rd8	Kf7	54			74				
15	f4	O-O	35	Rd7	Ke8	55			75				
16	g4	Bb7	36	Qe7		56			76				
17	Rh8	Bd6	37			57			77				
18	h4	f5	38			58			78				
19	g5	Be5	39			59			79				
20	fe	Qf7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Zhang						Huang						Cao	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08/24 Board 4

Group U12
Round 4

WHITE Zhang, Hongya						FED CHN						RESULT (W)	
BLACK Huang, Yitian						FED CHN						RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	g4	g6	41			61				
2	d4	d5	22	Bh6	Kh7	42			62				
3	Nc3	de	23	Bf8	Rf8	43			63				
4	Nb4	Nd7	24	Rg1	Nf4	44			64				
5	Nf3	Nf6	25	Qe3	Nd3	45			65				
6	Nf6	Nf6	26	Qd3	Bd5	46			66				
7	Bg5	Be7	27	Rg5	Qb7	47			67				
8	Bd3	h6	28	Rh5	Kh6	48			68				
9	Be3	Nd5	29	Qg3	Kf7	49			69				
10	Bd2	c5	30	Rh7	Ke8	50			70				
11	d4	Bc5	31	Rb7	Bb7	51			71				
12	Qe2	Qd7	32	Qg6	Ke7	52			72				
13	Ne5	a6	33	Qg5	Ke8	53			73				
14	O-O	b5	34	Rd8	Kf7	54			74				
15	f4	O-O	35	Rd7	Ke8	55			75				
16	g4	Bb7	36	Qe7		56			76				
17	Rh8	Bd6	37			57			77				
18	h4	f5	38			58			78				
19	g5	Be5	39			59			79				
20	fe	Qf7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Zhang						Huang						Cao	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-08-25

Group B12.
Round 4
Board 5

WHITE Say, Hoi Wang Isaac						FED HKG						RESULT (W) 1/2	
BLACK Enkhulga Erdenebat						FED MGL						RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4.	c5.	21	Nc4.	Re4.	41	KpP3.	h5.	61				
2	Nf3.	e6.	22	Re4.	xc.	42	Ra8.		62				
3	d4.	cd.	23	Rd4.	cb.	43			63				
4	NH4.	Nf6.	24	cb.	Re8.	44			64				
5	Nc3.	Nc6.	25	h3.	Be6.	45			65				
6	Nd65.	Bb4.	26	Rc1.	Qa3.	46			66				
7	a3.	Be3.	27	Ra4.	Qe2.	47			67				
8	Nc3.	d5.	28	Re1.	Nd5.	48			68				
9	ed.	ed.	29	Qf3.	Qd2.	49			69				
10	Bd3.	d4.	30	Rd1.	Qc2.	50			70				
11	Ne2.	h6.	31	Ra1.	Nc3.	51			71				
12	O-O.	Qb6.	32	Re1.	Qb3.	52			72				
13	Bf4.	O-O.	33	Re6.	Ue6.	53			73				
14	ad2.	Re8.	34	Qc3.	Re8.	54			74				
15	Ng3.	Ne5.	35	Qe3.	Qe3.	55			75				
16	Be5.	Re5.	36	Re.	Re.	56			76				
17	Qf4.	Re8.	37	~~Rc3~~ ^{KpP2}	~~Rc3~~ ^{c3}	57			77				
18	Rfe1.	Bd7.	38	~~Ra8~~ ^{KpP2}	~~KpP7~~ ^{KpP7}	58			78				
19	b3.	Qc5.	39	Re8.	KpP5.	59			79				
20	Bc4.	b5.	40	KpP3	KpP5.	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/2026

Group B12
Round 4/9
Board 5

WHITE Isaac Say						FED HKG						RESULT (W) 1/2	
BLACK Enkhulga Erdenebat						FED MGL						RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nc4	Pxe4	41	Kf3	h5	61				
2	Nf3	e6	22	Rxe4	bxc4	42	Ra8		62				
3	d4	cd4	23	Rxd4	cx63	43			63				
4	Nd4	Nf6	24	cb3	Re8	44			64				
5	Nc3	Nc6	25	h3	Be6	45			65				
6	Nd65	Bb4	26	Rc1	Qxa3	46			66				
7	a3	Bxc3	27	Ra4	Qb2	47			67				
8	Nxc3	d5	28	Re1	Nd5	48			68				
9	exd5	exd5	29	Qf3	Qd2	49			69				
10	Bd3	d4	30	Rd1	Qc2	50			70				
11	Ne2	h6	31	Rxa7	Nc3	51			71				
12	O-O	Qb6	32	Re1	Qxb3	52			72				
13	Bf4	O-O	33	Rxe6	Qxe6	53			73				
14	Qd2	Re8	34	Qxc3	Rc8	54			74				
15	Ng3	Ne5	35	Qe3	Qxe3	55			75				
16	Bxe5	Rxe5	36	fxc3	~~Rc2~~	56			76				
17	Qf4	Re8	37	Kh2	Rc3	57			77				
18	Rfe1	Bd7	38	Ra8	Kh7	58			78				
19	b3	Qc5	39	Re8	Kg6	59			79				
20	Bc4	b5	40	Ka3	Kf5	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 24/08/2026
Round: 4
Board: 6

WHITE: MARCUS LOUISE JACUTINA												FED	RESULT (W)
BLACK: AZBILIG GONSUKH												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Ra2	d5	41	Rh1	Bf8	61	d5			
2	Bf4	b6	22	Rb2	Bf5	42	Qh5	f6	62				
3	Nf3	Bb7	23	Nh2	Kg7	43	Qx8	Rxg7	63				
4	c3	Nh5	24	Qe2	Bc9	44	Np3	Bd6	64				
5	Bg3	Nxg3	25	Nhf1	Qs4	45	Kf2	b5	65				
6	Nxg3	g5	26	f3	Qh5	46	Nxh5	R4	66				
7	Nh2	Bd7	27	Sh	Qg8	47	Rx3	Rb8	67				
8	c3	h6	28	Ng3	Bc5	48	Nxg9	Rxg3	68				
9	Rc1	Nd7	29	Nf1	Nh3	49	Rc4	Ra3	69				
10	Bc4	e5	30	Ra	Nf4	50	Nf5	Rg4	70				
11	dxh5	dxh5	31	Qp1	Kh7	51	Kg3	Nb6	71				
12	c1	Qe7	32	Nf5	Bc4	52	Rc6	Rxc6	72				
13	Rh1	a5	33	h6	Rc6	53	bxc6	Rc6	73				
14	Qe2	O-O	34	Nh3	Bs9	54	Rb7	Kg6	74				
15	O-O	Rf8	35	Nh5	Nxh5	55	Nxh6	Cxh6	75				
16	Rc4	Nc5	36	Cxh5	Rc5	56	Rd5	Rc6	76				
17	Bb3	Rh6	37	Bx3	Rf8	57	Rxh1	Kf7	77				
18	Qe3	H6	38	Rb2	Bc7	58	Rd7	Ks6	78				
19	Ran	Rd9	39	Kf2	Rh1	59	C7	H5	79				
20	Rf6	Qd7	40	Ks3	Qc8	60	Cxh4	KH3	80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Jacutina						Azbilig						Cen	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 8.24
Round: 4
Board: 6

WHITE: Jacutina, Marcus Louise												FED	RESULT (W)
BLACK: G. Azbilig												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Ra2	d5	41	Qh1	Bf8	61	de			
2	Bf4	b6	22	Rb2	Bf5	42	Qh5	f6	62				
3	Nf3	Bb7	23	Nh2	Kg7	43	Qe8	Roe8	63				
4	c3	Nh5	24	Qe2	Bc9	44	Nc3	Bd6	64				
5	Bg3	Nxg3	25	Nhf1	Qs4	45	Kf2	b5	65				
6	Nxg3	g6	26	f3	Qh5	46	axh5	a4	66				
7	Nh2	Bd7	27	Q4	Qg6	47	Ra3	Rb8	67				
8	c3	d6	28	Nc3	Bc6	48	Rc4	Rc3	68				
9	Rc1	Nd7	29	Nf1	Nd3	49	Rc4	Ra3	69				
10	Bc4	e5	30	Rb1	Nf4	50	Nf4	Ra2	70				
11	dxh5	dxh5	31	Qe1	Kh4	51	Kg3	Rb6	71				
12	c4	Qe7	32	Nf4	Rc4	52	Rc6	Rc6	72				
13	a4	a5	33	bxd4	Rc6	53	bxc6	Ra8	73				
14	Qe2	O-O	34	Nf3	Qe8	54	Rb4	Kg6	74				
15	O-O	Rf8	35	Nd5	Nd5	55	Uxd8	Cxd6	75				
16	Rcd1	Nc5	36	Cxd4	Rc6	56	Rd7	Rc8	76				
17	h3	Rd6	37	Ra3	Qe8	57	Rd8	Kf7	77				
18	Qe3	h6	38	Rab3	Be7	58	Rd7	Kg6	78				
19	Ra1	Rad8	39	Kh2	Bd6	59	c7	h5	79				
20	Rf6	Qd7	40	Kg3	Qe8	60	gxf5	Kg5	80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Jacutina						Azbilig						Cen	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.24

Group
U12
Round
4
Board
7

WHITE 辛平						FED		RESULT (W)			
BLACK Eamon Tee Yuan Khai						FED MAS		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rf5	Rg5	41			61		
2	Nf3	db	22	Raf1	Rf5	42			62		
3	d4	cd	23	Rf5	Rg5	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Rf2	Nd7	44			64		
5	Nc3	a6	25	Bd3	Qe5	45			65		
6	Bb3	e6	26	Qe5	Re5	46			66		
7	f4	Bg	27	c4	Kg	47			67		
8	Be2	Nd7	28	Bf5	Nb6	48			68		
9	0-0	0-0	29	b3	a5	49			69		
10	g4	e5	30	Rc2	h5	50			70		
11	Nf5	ef	31	Kg2	hg	51			71		
12	Bf4	Nc5	32	hg	Kf8	52			72		
13	Nc1	Qe7	33	Kf2	Ke7	53			73		
14	Bg5	Be6	34	Rc3	Nd7	54			74		
15	Bf6	gf	35	Bd7	Kd7	55			75		
16	Nd5	Bd5	36	Rf3	b5	56			76		
17	ed	Kg7	37	cb	Rd5	57			77		
18	Qd4	Rg8	38	Ke3	Rb5	58			78		
19	h3	Rg6	39	Rf6	Kg	59			79		
20	Kh2	Rg8	40	Rf4		60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
辛平			Eamon Tee Yuan Khai			Cun					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
24/8/2026

Group
U12
Round
4
Board
7

WHITE						FED		RESULT (W)			
Shan Yiping						CHN		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Eamon Tee Yuan Khai						MAS		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rf5	Rg5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Raf1	Rxf5	42			62		
3	d4	exd4	23	Rxf5	Rg5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	Rf2	Nd7	44			64		
5	Nc3	a6	25	Bd3	Qe5	45			65		
6	Be3	e6	26	Qxe5	Rxe5	46			66		
7	f4	Be7	27	c4	Ke7	47			67		
8	Be2	Nbd7	28	Bf5	Nb6	48			68		
9	O-O	O-O	29	b3	a5	49			69		
10	g4	e5	30	Rc2	h5	50			70		
11	Nf5	exf4	31	Kg2	hxg4	51			71		
12	Bxf4	Ne5	32	hxg4	Kf8	52			72		
13	Nxe7	Qxe7	33	Kf2	Ke7	53			73		
14	Bg5	Be6	34	Rc3	Nd7	54			74		
15	Bxf6	gxf6	35	Bd7	Kd7	55			75		
16	Nd5	Bd5	36	Rf3	b5	56			76		
17	exd5	Kh8	37	cxh5	Rxb5	57			77		
18	Qd4	Rg8	38	Ke3	Rxb5	58			78		
19	h3	Rg6	39	Rxf6	Ke7	59			79		
20	Kh2	Rag8	40	Rf4		60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
辛平						Eamon Tee Yuan Khai		Cun			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B12
Round 4
Date 10/26/8/24
Board 8

WHITE Chen, Jiaqi												FED	RESULT (W)
BLACK Hung, I-Hsuan												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	B36	Rd1	41	Kc4	f4	61				
2	c4	e6	22	Rd1	g5	42	Qf	Qf	62				
3	Nc3	a6	23	Kb3	Kf8	43	g5	Kf4	63				
4	b3	Bb4	24	Bf3	Rb8	44	Ra7	f6	64				
5	Bb2	Nf1	25	Rd6	Bb7	45	Rd7	Kf4	65				
6	a3	Bc3	26	Bb7	Rb7	46	Kd3	f5	66				
7	Bc3	Ne4	27	Rd8	Rd7	47	Ke2	Kg3	67				
8	Bb2	dC	28	Kb4	f5	48	Rg7	Kf4	68				
9	bC	c5	29	Rc8	Ra7	49	Kf2		69				
10	Nf3	Qa5	30	Rc3	Rd7	50			70				
11	Nd2	cd	31	Kb5	Rd2	51			71				
12	Bd4	O-O	32	a4	Kf6	52			72				
13	Qc2	Qd2	33	Ra3	Kf2	53			73				
14	Qd2	Nd2	34	g3	Rh2	54			74				
15	Kd2	b5	35	a5	Rc2	55			75				
16	cb	ab	36	a6	Rc8	56			76				
17	e3	Rd8	37	a7	Ke5	57			77				
18	Kc2	Ba6	38	Ra4	Kf1	58			78				
19	Be2	Nd7	39	a8=Q	Ra8	59			79				
20	Rhd1	Nf6	40	Ra8	Q5	60			80				
SIGNATURE (WHITE) Chen, Jiaqi												SIGNATURE (BLACK) Hung	
SIGNATURE (ARBITER)												SIGNATURE (ARBITER)	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group V12
Round 4
Date 10/26/8/24
Board 8

WHITE Chen, Jiaqi												FED	RESULT (W)
BLACK Hung, I-Hsuan												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	Bxf6	Rd1	41	FfK4	Qf4	61				
2	c4	e6	22	Rd1	Qxf6	42	Qxf4	Qxf4	62				
3	Nc3	a6	23	Kb3	Kf8	43	Qxf5	Qxf4	63				
4	b3	Bb4	24	Bf3	Kb8	44	Rd6	Kf4	64				
5	Bb2	Nf6	25	Rd6	Bb7	45	Rd7	Kf4	65				
6	a3	Bc3	26	Bb7	Rb7	46	Kd3	f5	66				
7	Bc3	Ne4	27	Rd8	Kg3	47	Kc2	Kg3	67				
8	Bb2	dC	28	Kb4	f4	48	Rg7	Kf4	68				
9	bC	c5	29	Rc8	Ra7	49	Kf2		69				
10	Nf3	Qa5	30	Rc3	Rd7	50			70				
11	Nd2	cd	31	Kb5	Rd2	51			71				
12	Bd4	O-O	32	a4	Kf6	52			72				
13	Qc2	Qd2	33	Ra3	Kf2	53			73				
14	Qd2	Nd2	34	g3	Rh2	54			74				
15	Kd2	b5	35	a5	Rc2	55			75				
16	cb	ab	36	a6	Rc8	56			76				
17	e3	Rd8	37	a7	Ke5	57			77				
18	Kc2	Ba6	38	Ra4	Kf1	58			78				
19	Be2	Nd7	39	a8=Q	Ra8	59			79				
20	Rhd1	Nf6	40	Ra8	Q5	60			80				
SIGNATURE (WHITE) Chen, Jiaqi												SIGNATURE (BLACK) Hung	
SIGNATURE (ARBITER)												SIGNATURE (ARBITER)	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group B/2
Round 4
Board 9

WHITE Pengzihang						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Su Yi-Ruei						FED TPE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf4	Kd8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Ng8	Rxh4	42			62		
3	Bb5	Bb7	23	bxc4	Qd4	43			63		
4	Bxh7	Qxh7	24	Qe3	Qd7	44			64		
5	O-O	Nc6	25	Nb6	Qe8	45			65		
6	c3	Nf6	26	Kc1	Bg7	46			66		
7	d4	Cxh4	27	c5	Bxh4	47			67		
8	Cxh4	Nxe4	28	Qxh4	e6	48			68		
9	d5	Nb4	29	Cxh6		49			69		
10	Qd4	Nc2	30			50			70		
11	Qxe4	Nxg1	31			51			71		
12	Nc3	h6	32			52			72		
13	Qb3	Nb3	33			53			73		
14	Qxb3	g6	34			54			74		
15	Bd4	Rg8	35			55			75		
16	Ra4	Qb	36			56			76		
17	Nd4	Qb5	37			57			77		
18	Re1	Nc8	38			58			78		
19	Nd2	Qb4	39			59			79		
20	Nb6	Rc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pengzihang			SIGNATURE (BLACK) Su Yi-Ruei			SIGNATURE (ARBITER) Cue					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group U/12
Round 4
Board 9

WHITE Pengzihang						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Su Yi-Ruei						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf4	Kd8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Ng8	Rxh4	42			62		
3	Bb5	Bb7	23	bxc4	Qd4	43			63		
4	Bxh7	Qxh7	24	Qe3	Qd7	44			64		
5	O-O	Nc6	25	Nb6	Qe8	45			65		
6	c3	Nf6	26	Kc1	Bg7	46			66		
7	d4	Cxh4	27	c5	Bxh4	47			67		
8	Cxh4	Nxe4	28	Qxh4	e6	48			68		
9	d5	Nb4	29	Cxh6		49			69		
10	Qd4	Nc2	30			50			70		
11	Qxe4	Nxg1	31			51			71		
12	Nc3	h6	32			52			72		
13	Qb3	Nb3	33			53			73		
14	Qxb3	g6	34			54			74		
15	Bd4	Rg8	35			55			75		
16	Ra4	Qb	36			56			76		
17	Nd4	Qb5	37			57			77		
18	Re1	Nc8	38			58			78		
19	Nd2	Qb4	39			59			79		
20	Nb6	Rc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pengzihang			SIGNATURE (BLACK) Su Yi-Ruei			SIGNATURE (ARBITER) Cue					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B-12
Round 4
Board 10

WHITE Tian Qi bei						FED			RESULT (W) 0.5		
BLACK Jiang Lechuan						FED			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ed	Bc8	41	Kf3		61		
2	Nf3	e6	22	Qa5	Rd8	42			62		
3	c4	d5	23	Rf5	Kf8	43			63		
4	g3	Bb4	24	Ba5	Rd6	44			64		
5	Bd2	Be7	25	Rd5	Ra6	45			65		
6	Bg2	c6	26	Be7	Kd7	46			66		
7	cd	ed	27	h3	Kd6	47			67		
8	Nc3	Bf5	28	Nf3	h6	48			68		
9	Qb3	Qb6	29	Kh2	b6	49			69		
10	a6	a6	30	Nd4	Bd7	50			70		
11	0-0	b5	31	Rb3	Kc5	51			71		
12	Q3	Nbd7	32	Nc2	d4	52			72		
13	Nh4	Be6	33	Rb4	Ra4	53			73		
14	a4	b4	34	Rb3	Be6	54			74		
15	Nd2	Ra4	35	Ra3	Ra3	55			75		
16	Nb4	Ra1	36	b4	Bb3	56			76		
17	Ra1	0-0	37	Nb4	Nd5	57			77		
18	Ra7	c5	38	Bd5	Bd5	58			78		
19	d1	Nc5	39	Nd5	Kd5	59			79		
20	Nd3	Nd3	40	Kg2	Kc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Tian Qi bei						SIGNATURE (BLACK) Jiang Lechuan			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B12
Round 4
Board 10

WHITE Tian Qi bei						FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK Jiang Lechuan						FED CHN			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ed	Bc8	41	Kf3		61		
2	Nf3	e6	22	Qa5	Rd8	42			62		
3	c4	d5	23	Rf5	Kf8	43			63		
4	g3	Bb4	24	Ba5	Rd6	44			64		
5	Bd2	Be7	25	Rd5	Ra6	45			65		
6	Bg2	c6	26	Be7	Kd7	46			66		
7	cd	ed	27	h3	Kd6	47			67		
8	Nc3	Bf5	28	Nf3	h6	48			68		
9	Qb3	Qb6	29	Kh2	b6	49			69		
10	a6	a6	30	Nd4	Bd7	50			70		
11	0-0	b5	31	Rb3	Kc5	51			71		
12	Q3	Nbd7	32	Nc2	d4	52			72		
13	Nh4	Be6	33	Rb4	Ra4	53			73		
14	a4	b4	34	Rb3	Be6	54			74		
15	Nd2	Ra4	35	Ra3	Ra3	55			75		
16	Nb4	Ra1	36	b4	Bb3	56			76		
17	Ra1	0-0	37	Nb4	Nd5	57			77		
18	Ra7	c5	38	Bd5	Bd5	58			78		
19	d1	Nc5	39	Nd5	Kd5	59			79		
20	Nd3	Nd3	40	Kg2	Kc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Tian Qi bei						SIGNATURE (BLACK) Jiang Lechuan			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B12
Round 4
Board 11

WHITE Jiang Yichen						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Wang Ziqian						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Ra1	b6	41			61		
2	d4	d5	22	Nd4	Qc4	42			62		
3	exd4	cd	23	f4	Rc7	43			63		
4	Bd3	Nc6	24	h4	Rc8	44			64		
5	e3	Nf6	25	f5	Qd4	45			65		
6	Nf3	Bg4	26	Qd	Rc1	46			66		
7	Bf4	ob	27	fb	Re1	47			67		
8	Nd2	pd6	28	Qe1	hb	48			68		
9	Bd6	Qd6	29	Qg3	g6	49			69		
10	h3	gh5	30	Qe3	Kh7	50			70		
11	0-0	0-0	31	Kh2	Rc4	51			71		
12	Qc2	Rfc8	32	Qd2	nd7	52			72		
13	a3	Bg6	33	Qd1	b5	53			73		
14	Re1	Bd3	34	a4	Rb4	54			74		
15	Qd3	Qc7	35	ab	Nf8	55			75		
16	Nes	Nes	36	Qd3	Rb2	56			76		
17	de	Nd7	37	Qa3		57			77		
18	Qg3	Qb6	38			58			78		
19	b4	Nf8	39			59			79		
20	Nb3	Qc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jiang Yichen(zj)			SIGNATURE (BLACK) Wang Ziqian			SIGNATURE (ARBITER) Cun					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.22

Group B-12
Round 4
Board 11

WHITE Jiang Yichen(zj)						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Wang Ziqian						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Ra1	b6	41			61		
2	dk	ds	22	Nd4	Qc4	42			62		
3	ed	cd	23	f4	Rc7	43			63		
4	Bd3	Nc6	24	h4	Rc8	44			64		
5	c3	Nf6	25	f5	Qd4	45			65		
6	Nf3	Bg4	26	cd	Rc1	46			66		
7	Bf4	eb	27	fb	Re1	47			67		
8	Nd2	Bd6	28	Qc1	hb	48			68		
9	Bd6	Qd6	29	Qg3	g6	49			69		
10	h3	Bh5	30	Qe3	Kh7	50			70		
11	0-0	0-0	31	Kh2	Rc4	51			71		
12	Qc2	Rfc8	32	Qd2	nd7	52			72		
13	a3	Bg6	33	Qd1	b5	53			73		
14	Rfe1	Bd3	34	a4	Rb4	54			74		
15	Qd3	Qc7	35	ab	Nf8	55			75		
16	Nes	Nes	36	Qd3	Rb2	56			76		
17	de	Nd7	37	Qa3		57			77		
18	Qg3	Qb6	38			58			78		
19	b4	Nf8	39			59			79		
20	Nb3	Qc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jiang Yichen(zj)			SIGNATURE (BLACK) Wang Ziqian			SIGNATURE (ARBITER) Cun					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

11:53

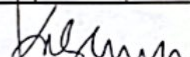
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.24

Group U12
Round 4
Board 12

2026.08.27

WHITE Sundiam, Anstrong Galilei (1519)						FED PHI		RESULT (W) 1/2			
BLACK Bae, Joe min (1663)						FED KOR		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rfc1 58	Rbc8 78	41	g3 2	g4 56	61		
2	Bf4	e6	22	Nb1 56	e5 73	42	Bf1 1	h5 54	62		
3	e3	c5	23	de 53	de5 73	43	Be2 2	Be4 54	63		
4	c3	b6	24	Rc7 52	Rc7 74	44	Bf1 2	a5 53	64		
5	Nf3	Be7	25	Rc7 52	Qc7 74	45	u4 2		65		
6	Bd3	Be7	26	Nc3 48	Bf6 72	46			66		
7	O-O	Nh5	27	Qc2 49	h4 66	47			67		
8	Bg3	Ng3	28	Qb3 9	Bc3 58	48			68		
9	h4	Nc6	29	Qc3 9	Qc3 54	49			69		
10	Nb1	O-O	30	bc 9	ke7 50	50			70		
11	a3	de	31	Kf1 10	Kd6 54	51			71		
12	Rc1	Rc8	32	ke2 9	h6 54	52			72		
13	Qe2	cd	33	h2 6	ke5 54	53			73		
14	cd	Qd7	34	ke2 1/2	Be6 54	54			74		
15	Bb5	d5	35	Be2 2	Bb5 53	55			75		
16	Nes	Qd6	36	Bf3 2	Bu4 51	56			76		
17	Nc6	Bb6	37	h2 3	g5 56	57			77		
18	Bub	Rc7	38	g4 2	Bb7 56	58			78		
19	Rc3	Rb8	39	Be2 1	f5 56	59			79		
20	Bd3	Bb7	40	gf 2	Bf5 56	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			UJESIN Bae								

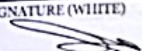
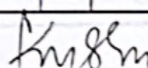
11:53

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date August 24

Group U12
Round 4
Board 12

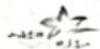
WHITE						FED		RESULT (W)			
Anstrong Galilei M Sundiam						Phi		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Bae Jaemin						KOR		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf4	21	Rfc1	Rbc8	41	g4	g4	61		
2	Bf4	e4	22	Nb1	e4	42	Bf1	h5	62		
3	e3	c5	23	dxe5	Qxe5	43	Be2	Bx4	63		
4	c3	b4	24	Rxc7	Rxc7	44	Bf1	a5	64		
5	Nf3	Bb4	25	Rxc7	Qxc7	45	a4		65		
6	Bd3	Bx7	26	Nc3	Bf4	46			66		
7	O-O	Nh5	27	Qc2	Kf8	47			67		
8	Bg3	Nxg3	28	Qb3	BxL3	48			68		
9	hxg3	Nc6	29	Qxc3	Qxc3	49			69		
10	Nd2	O-O	30	bxc3	Ke7	50			70		
11	a3	d6	31	Kf1	Kd6	51			71		
12	Rc1	Rc8	32	Ke2	h4	52			72		
13	Qe2	cx4	33	Kc2	Kc5	53			73		
14	cx4	Qd7	34	Kc2	Bc4	54			74		
15	Bb5	d5	35	Be2	Bb5	55			75		
16	Ne5	Qd6	36	Bf3	Ba4	56			76		
17	Nxc6	Bxc6	37	Kb2	g5	57			77		
18	Ba6	Rc7	38	g4	Bd7	58			78		
19	Rc3	Rb8	39	Be2	f5	59			79		
20	Bd3	Bb7	40	g4f	Bxf5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Jaemin Bae								



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

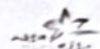


Date 8-24

Group B12
Round 4

WHITE Yue Shenhai											
BLACK Kang Hong Nij											
FED CHN				FED MYA				RESULT (W)			
8.5				0.5							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc4	Ng4	41	Rd1	Rc3	61	Kg3	Be5
2	Nf3	d6	22	f3	Bb4	42	Rd7	b6	62	Kf3	Pf4
3	d4	cd	23	~~Bb4~~ Bb2	Bb2	43	Rd3	Rc7	63	Ke3	Bb2
4	Nd4	Nf6	24	h5	a2	44	Kf3	Rb7	64	Ke2	Kg4
5	Nc3	g6	25	Be2	a2	45	Bd2	Re7	65	Rd5	Pf3
6	Be3	Bg7	26	Kd3	ag3	46	Re3	Rc7	66	Bd2	Bd4
7	f3	0-0	27	Qe3	ee3	47	Bd3	Kg5	67		
8	Bd2	Nc6	28	Ke3	h7	48	Rd3	Rh7	68		
9	Bc4	Bd7	29	h9	h9	49	Rd5	f5	69		
10	0-0-0	Rc8	30	Pf1	a3	50	gf	gf	70		
11	Bb3	Ne5	31	Rh3	Rc8	51	Kg3	Rh1	71		
12	h4	a5	32	Kd3	e6	52	Re5	Rg1	72		
13	g4	b5	33	Rhf3	d5	53	Kf3	Rd1	73		
14	ag	ba	34	ed	cd	54	Rd5	Pf1	74		
15	Nd4	Bd4	35	Bd5	Rc3	55	Kg3	Rd1	75		
16	Bd4	Nc4	36	Ke4	Rc8	56	Kf3	Rc1	76		
17	Qd3	Qb6	37	Kf4	Rf3	57	Kg3	Re3	77		
18	Bb3	Ne3	38	Kf3	Re5	58	Kf2	Bd4	78		
19	Qe3	Rc8	39	Bb3	Rc5	59	Kg2	Bb2	79		
20	Ke2	g4	40	Ke4	f6	60	Ke2	Rc4	80		
SIGNATURE (WHITE) Yue Shenhai				SIGNATURE (BLACK) K				SIGNATURE (ARBITER) C			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.26

Group U12
Round 4

Board 13

WHITE Yue, Shanghai											
BLACK Kang Hong Nij											
FED CHN						FED MYA					
8.5						0.5					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc4	Ng4	41	Rd1	Rc3	61	Kg3	Be5
2	Nf3	d6	22	f3	Bd4	42	Rd7	Kh6	62	Kf3	Pf4
3	d4	cd	23	Qd2	Bb2	43	Rd3	Rc7	63	Ke3	Bb2
4	Nd4	Nf6	24	h5	Qf2+	44	Kf3	Rb7	64	Ke2	Kg4
5	Nc3	g6	25	Qe2	Qf4	45	Re7	Re7	65	Rd5	Pf3
6	Be3	Bg7	26	Kd3	Qg3+	46	Re7	Bd3	66	Bd2	Bd4
7	f3	0-0	27	Qe3	Qxe3	47	Kg3	Rd3	67		
8	Qd2	Nc6	28	Kxe3	Kg7	48	Rd3	Rh7	68		
9	Bc4	Bd7	29	hrg6	hrg6	49	Rd5	f5	69		
10	0-0	Rc8	30	Rf1	a3	50	Kg3	Rh1	70		
11	Bb3	Ne5	31	Rh3	Rc8	51	Re5	Rg1	71		
12	h4	a5	32	Kd3	e6	52	Kf3	Rd1	72		
13	g4	b5	33	Rhf3	d5	53	Rd5	Rd1	73		
14	ag	ba	34	ed	cd	54	Rd5	Pf1	74		
15	Nd4	Bd4	35	Bd5	Rc3	55	Kg3	Rd1	75		
16	Bd4	Nc4	36	Ke4	Rc8	56	Kf3	Rc1	76		
17	Qd3	Qb6	37	Kf4	Rf3	57	Kg3	Re3	77		
18	Bb3	Ne3	38	Kf3	Re5	58	Kf2	Bd4	78		
19	Qe3	Rc8	39	Bb3	Rc5	59	Kg2	Bb2	79		
20	Ke2	g4	40	Ke4	f6	60	Kd2	Rc4	80		
SIGNATURE (WHITE) Yue Shenhai						SIGNATURE (BLACK) K					
						SIGNATURE (ARBITER) C					



10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B-12
Round 4
Date 2026/8/24
Board 14

WHITE LEE suhyuk C16692						FED KOR		RESULT (W) 1			
BLACK KijKamjai Arthicha C02						FED THA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	ec	21	Nd4	Qe8	41	g3	h5	61		
2	Nc3	Nf6	22	Re1	Be6	42	h4	Kf5	62		
3	Nf3	d5	23	f4	Qd7	43	Kd5		63		
4	e3	Jxc4	24	Rf1	g6	44			64		
5	Bxc4	Be7	25	f5	gxf5	45			65		
6	d4	O-O	26	Qg5	Kh8	46			66		
7	O-O	C5	27	Nxf9	gxf5	47			67		
8	Qe2	Nc6	28	Qf6	Kg8	48			68		
9	Rd1	Qc7	29	Rxf5	h6	49			69		
10	e4	Cxd4	30	Rf3	Kh7	50			70		
11	Nb5	Qb6	31	Rh3	axh3	51			71		
12	Nbxd4	Nxd4	32	Qxf7	Kh8	52			72		
13	Nxd4	Rd8	33	gxf7	Rg8	53			73		
14	Be3	Be5	34	Kf2	d4	54			74		
15	Nb3	Bxe3	35	axg8	Kxg8	55			75		
16	Qxe3	Qc7	36	Ke2	Kf7	56			76		
17	fxd8	axg8	37	Kd3	Ke6	57			77		
18	e5	Nd5	38	Kxg4	g5	58			78		
19	Rd1	~~fxd5~~ e6	39	Ke4	g5	59			79		
20	fxd5	exd5	40	Kd4	g4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
lee			Z.			KijKamjai					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group A12
Round 4
Date 24.8.2026
Board 14

WHITE Lee SuhYuk						FED Kor		RESULT (W) 1			
BLACK A-thicha KijKamjai						FED Tha		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	cb6	21	nd4	ae8	41	a3	h5	61		
2	nc3	nf6	22	Re1	Re6	42	h4	kf5	62		
3	nf3	d5	23	f4	ad7	43			63		
4	e3	Jxc4	24	Rf1	g6	44			64		
5	Bxc4	Be7	25	fs	gxf5	45			65		
6	d4	O-O	26	Qd5	Kh8	46			66		
7	O-O	c5	27	nyf5	gxf5	47			67		
8	ac2	nc6	28	Qf6	kg8	48			68		
9	Rd1	ac7	29	Rf5	h6	49			69		
10	e4	cd4	30	Rf3	Kh7	50			70		
11	Nb6	QB6	31	Rh3	axh3	51			71		
12	Nbxd4	Nxd4	32	Qxf7	Kh8	52			72		
13	Nxd4	Rd8	33	gxf7	Rg8	53			73		
14	Be3	Bc5	34	Kf2	d4	54			74		
15	Nb3	Bxe3	35	Qxe8	Kxg8	55			75		
16	Qxe3	Qc7	36	Ke2	Kf7	56			76		
17	Rd8	Qxd8	37	Kd3	Ke6	57			77		
18	exd5	B6nd5	38	Kxd4	g5	58			78		
19	Rd1	fxd5	39	Ke4	B5	59			79		
20	Bxd5	exd5	40	Kd4	g4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lee			Z.			KijKamjai					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
23/8/2026

Group
B12

Round
4

Board
15

WHITE: Huynh Xuan An				FED: VIE				RESULT (W): 1			
BLACK: Wong Shun Lam				FED: HKG				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng2	Hf5	41	Tc4	-	61		
2	Mf3	Mcb	22	xe3	Tc8	42	g5	Te2	62		
3	Mc3	Mf6	23	g4	Hc6	43	vg3	Th5	63		
4	Te5	Tb4	24	Mf4	He7	44	Vf4	Vg8	64		
5	O-O	O-O	25	Hd2	fb	45	Vf5	Tf7	65		
6	d3	Tc3	26	Mgb	Qe7	46	Xf7	Vf7	66		
7	b6	d6	27	Mf8	Hf8	47	g6	Vg7	67		
8	h3	a6	28	Xf1	Tab	48	Vg5	Vg6	68		
9	Tc6	b6	29	Xf2	Hd8	49	Vf6	Vh8	69		
10	Tg5	h6	30	cf	Hd6	50	g7	Vg8	70		
11	Tf6	Hf6	31	Vg2	gt	51	h4	Vh7	71		
12	d4	cd	32	Xf5	Xf8	52	Vf7	Vh6	72		
13	cd	d5	33	Hh6	Qe7	53	g8H	Vh5	73		
14	e5	Hg6	34	Qg6	Qg7	54	Hg5		74		
15	Vh2	a5	35	Xf6	Xf6	55			75		
16	Mh4	Hc4	36	Xf6	Hg6	56			76		
17	Mf5	Tab	37	Xg6	Vf7	57			77		
18	xe1	Hf4	38	Xc6	Tc4	58			78		
19	g3	Hf5	39	Xc7	Vg8	59			79		
20	Mh4	Hf2	40	a4	Vf8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8/24

Group
B12

Round
4

Board
15

WHITE: Huynh Xuan An				FED: VIE				RESULT (W): 1			
BLACK: Wong Shun Lam				FED: HKG				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng2	Qf5	41	g5	Be2	61		
2	Nf3	Nc6	22	~~Re3~~	Be8	42	Kg3	Bh5	62		
3	Nc3	Nf6	23	g4	Qe6	43	Kf4	Kg8	63		
4	Bb5	Bb4	24	Nf4	Qe7	44	~~Kf5~~	~~Bf7~~	64		
5	O-O	O-O	25	Qd2	f6	45	~~Kf7~~	~~g6~~	65		
6	d3	Be3	26	Ng6	Qf7	46	~~g6~~	~~Kg7~~	66		
7	bc	d6	27	Nf8	Qc8	47	Kg5	Kg8	67		
8	h3	a6	28	Rf1	Ba6	48	Kf6	Kh8	68		
9	Be6	bc	29	Rf2	Qd8	49	g7	Kg8	69		
10	Bg5	h6	30	ef	Qd6	50	h4	Kh7	70		
11	Bf6	Qf6	31	Kg2	gf	51	Kf7	Kh6	71		
12	d4	cd	32	Rf3	Rf8	52	~~g8=Q~~	Kh5	72		
13	cd	d5	33	Qh6	Qe7	53	Qg5x		73		
14	e5	Qg6	34	Qg6	Qg7	54			74		
15	Kh2	a5	35	Rf6	Rf6	55			75		
16	Nh4	Qa4	36	Rf6	Qg6	56			76		
17	Nf3	Ba6	37	Qg6	Kf7	57			77		
18	Re1	Qf4	38	Rc6	Be4	58			78		
19	g3	Qf5	39	Rc7	Kg8	59			79		
20	Nh4	Qf2	40	a4	Kf8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8-24-26

Group
B12

Round
4

Board
16

WHITE So, Caizer Charleton				FED PHI				RESULT (W) 0			
BLACK Shen, Hanghui				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kxf1	Ra8	41			61		
2	Bf4	Nf6	22			42			62		
3	e3	e6	23			43			63		
4	c4	c5	24			44			64		
5	Nf3	Be7	25			45			65		
6	Bd3	A3h6	26			46			66		
7	h3	Nc6	27			47			67		
8	O-O	O-O	28			48			68		
9	a3	a6	29			49			69		
10	Nbd2	dxc4	30			50			70		
11	Nxc4	b5	31			51			71		
12	Ne5	Bb7	32			52			72		
13	Nxc6	Bxc6	33			53			73		
14	dxc5	Bxf3	34			54			74		
15	gxf3	Nd5	35			55			75		
16	Be5	Bxc5	36			56			76		
17	Be4	Qg5+	37			57			77		
18	Bg3	Nxe3	38			58			78		
19	Qc1	Nxf1	39			59			79		
20	Qxg5	hxg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>So, Caizer Charleton</i>				SIGNATURE (BLACK) Shen Hanghui				SIGNATURE (ARBITER) <i>Arbitrator</i>			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8-24

Group
B12

Round
4

Board
16

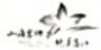
WHITE So, Caizer Charleton				FED PHI				RESULT (W) 0			
BLACK Shen Hanghui				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	7d	7d8	41			61		
2	Bf4	Nf6	22			42			62		
3	e3	e6	23			43			63		
4	c4	c5	24			44			64		
5	Nf3	Be7	25			45			65		
6	Bd3	A3h6	26			46			66		
7	h3	Nc6	27			47			67		
8	O-O	O-O	28			48			68		
9	a3	a6	29			49			69		
10	Nbd2	dxc4	30			50			70		
11	Nxc4	b5	31			51			71		
12	Ne5	Bb7	32			52			72		
13	Nxc6	Bxc6	33			53			73		
14	dxc5	Bxf3	34			54			74		
15	gxf3	Nd5	35			55			75		
16	Be5	Bxc5	36			56			76		
17	Be4	Qg5+	37			57			77		
18	Bg3	Nxe3	38			58			78		
19	Qc1	Nxf1	39			59			79		
20	Qxg5	hxg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>So, Caizer Charleton</i>				SIGNATURE (BLACK) Shen Hanghui				SIGNATURE (ARBITER) <i>Arbitrator</i>			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B12
Round 3

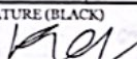
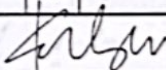
WHITE Lin Ye						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Kon Ming yu						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	RxK1	QxK1	41			61		
2	d4	d5	22	C13	N13	42			62		
3	eD	eD	23	QK2	QK2	43			63		
4	NK3	BxK6	24	NK62	KQ11	44			64		
5	BxK3	NK7	25	N13	KK1	45			65		
6	O-D	BxK15	26			46			66		
7	f6	BK5	27			47			67		
8	C3	C6	28			48			68		
9	BxK3	BxK93	29			49			69		
10	f9	Q136	30			50			70		
11	BK5	NK5	31			51			71		
12	QD2	ND7	32			52			72		
13	NK3	ND6	33			53			73		
14	NK5	NK5	34			54			74		
15	f6	RD1	35			55			75		
16	RxK1	KK1	36			56			76		
17	RK9	KQ1	37			57			77		
18	eD	K4	38			58			78		
19	DC	QK2	39			59			79		
20	NK4	BK1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Kon			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group B12
Round 4
Board 17

WHITE Lin Ye						FED chn		RESULT (W) 0			
BLACK Kon Ming yu						FED chn		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qc2	Ne4	41			61		
2	d4	d5	22	Rf1	Rf1+	42			62		
3	ed	ed	23	Qf1	Cb	43			63		
4	Nf3	Bd6	24	Nb1	Qf2	44			64		
5	Bd3	~~Nf6~~	25	Qf2	Nf2	45			65		
6	O-O	O-O	26	Kg1	lvd3	46			66		
7	Bg5	f6	27	Kf1		47			67		
8	Bh4	Bf4	28			48			68		
9	c3	c6	29			49			69		
10	Bg3	Bg3	30			50			70		
11	f9	Qb6	31			51			71		
12	Bf5	Nf5	32			52			72		
13	Qd2	Nc7	33			53			73		
14	Na3	Nd6	34			54			74		
15	Qc2	Ne5	35			55			75		
16	Ne5	fc	36			56			76		
17	Rd1	Rf4	37			57			77		
18	Kf1	Rf8+	38			58			78		
19	Kg1	ed	39			59			79		
20	Kh1	dc	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											



10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.

Group B12
Round 4
Board 18

WHITE						FED		8.		10	
Chen, Pinru						CHN		RESULT (W)		1	
BLACK						FED		CHN		RESULT (B)	
Bai Hao chen										0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5 1:30	21	R96	N96 1:4	41			61		
2	Nf3	NC6 1:3	22	Q96	K68 1:3	42			62		
3	BC4	BC5 1:3	23	Qh6	K98	43			63		
4	NC3	Nf6 1:3	24	R91	B95	44			64		
5	d3	h6 1:3	25	R90	Q95	45			65		
6	a3	a6 1:30	26	R95		46			66		
7	h3	0-0 1:3	27			47			67		
8	g4	Bc7 1:27	28			48			68		
9	g5	h9 1:25	29			49			69		
10	B95	Nh7 1:2	30			50			70		
11	Bc7	Qc7 1:2	31			51			71		
12	Nd5	Qd8 1:2	32			52			72		
13	Qd2	d6 1:23	33			53			73		
14	R91	ne7 1:23	34			54			74		
15	Qh6	g6 1:20	35			55			75		
16	Nf6	Nf6 1:15	36			56			76		
17	nh4	d5 1:13	37			57			77		
18	ed	Nfd5 1:13	38			58			78		
19	0-0-0	Nf4 1:11	39			59			79		
20	N96	Nb6 1:1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen, Pinru			Bai Hao chen			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.3

Group B12
Round 4
Board 18

WHITE Chen Pinru						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Bai, Haochen						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	R96	N96	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	~~Q96~~	h6	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qh6	K98	43			63		
4	IVC3	.Nf6	24	R91	B94	44			64		
5	d3	h6	25	R94	~~Q95~~	45			65		
6	a3	a6	26	R95	f1	46			66		
7	h3	0-0	27			47			67		
8	g4	Be7	28			48			68		
9	g5	h9	29			49			69		
10	R95	Nh7	30			50			70		
11	Be7	Qe7	31			51			71		
12	Nd5	Qd8	32			52			72		
13	Qd2	d6	33			53			73		
14	R91	Ne7	34			54			74		
15	Qh6	g6	35			55			75		
16	Nf6	Nf6	36			56			76		
17	Nh4	d5	37			57			77		
18	exd5	Nd5	38			58			78		
19	0-0-0	Nf4	39			59			79		
20	N96	Nex6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen Pinru			Bai Hao chen			Cen					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App